

Bản án số: 70/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2017

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Vĩnh;
2. Ông Tăng Trung Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959(có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1960(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Con chung:

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977.

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 03 tháng 7 năm 2017, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị G cưới nhau vào năm 1976 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2000, thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến ông và bà G đã sống ly thân cùng nhau từ năm 2000 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị G.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị G có được 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, Nguyễn Văn P, sinh năm 1984, Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 hiện các con đã trưởng thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Lê Thị G: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự và bà Lê Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị G đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, bà G có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị G tự nguyện chung sống cùng nhau từ năm 1976 nhưng không đăng ký kết hôn nhưng thời điểm ông T và bà G chung sống với nhau năm 1976 trước ngày 03/01/1987. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và mục 1 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLTTANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà G được pháp luật công nhận.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi cưới ông T và bà G sống hạnh phúc được đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T và bà G thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau mặc dù ông T, bà G cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không cải thiện được nên mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng hơn, ông T và bà G chính thức sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà G đã phát sinh từ năm 2000 đến nay nhưng ông T và bà G không hàn gắn được, ông T không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị G có 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, Nguyễn Văn P, sinh năm 1984, Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 hiện các con đã trưởng thành không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Lê Thị G.
2. Về con chung: Đã trưởng thành không đề cập.
3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét;
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008811 ngày 08.11.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông T đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo

được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên